TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1492/2026/DS-PT
Ngày: 26 - 10 - 2026
V/v *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán:Bà Đào Thị Thủy.

Bà Nguyễn Thị Trang Thư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1773/2026/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Do bản án dân sự sơ thẩm số 251/2026/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1980/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị N, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ.

** Người đại diện theo uỷ quyền*: Ông Huỳnh Minh H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp N, xã C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn C (T), sinh năm 1983 (Có mặt).

2. Bà Lâm Thị N1, sinh năm 1992 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Vợ chồng Nguyễn Văn C và Lâm Thị N1 có tham gia 02 chưng hụi do nguyên đơn làm chủ hụi:

Chưng hụi thứ nhất hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 30/11/2021 âm lịch, có 23 hụi viên, vợ chồng C và N1 tham gia hốt lần thứ 3 còn lại 20 lần chết, đóng được 02 lần còn lại 18 lần không đóng với số tiền 36.000.000 đồng.

Chưng hụi thứ hai hụi 2.000.000 đồng, ngày 15/9/2022 âm lịch có 31 hụi viên, vợ chồng Chí N2 hốt đầu, đóng được 7 lần còn nợ lại 23 lần hụi chết không đóng là 46.000.000 đồng.

Vợ chồng C và N2 đã trả được 15.000.000 đồng, còn nợ lại 67.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn trả 67.000.000 đồng.

-*Bị đơn Nguyễn Văn C và Lâm Thị N1 trình bày*: Vợ chồng anh C, chị N1 có tham gia chưng hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 30/11/2021 âm lịch, có 23 hụi viên, vợ chồng C và N1 tham gia hốt lần thứ 3 còn lại 20 lần chết, đóng được 02 lần còn nợ lại 18 lần chưa đóng là 36.000.000 đồng. Sau đó nhiều lần trả dần cho bà N còn nợ lại 17.500.000 đồng, gia đình bà N có chốt lại số tiền nợ của chưng hụi này là 16.000.000 đồng. Ngoài ra vợ chồng anh C, chị N1 còn nhờ bà N vô giùm chưng hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2022, chưng chỉ có 31 phần, hốt đầu, đã đóng được 7 lần, còn nợ lại 23 lần hụi chết thì ngưng đóng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng chỉ còn nợ lại 16.000.000 đồng.

- Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Toà án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số 251/2026/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ đã tuyên như sau:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị N.

[2] Buộc anh Nguyễn Văn C và chị Lâm Thị N1 trả cho bà Võ Thị N số tiền nợ hụi là 63.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn bà N1 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông C yêu cầu chấp nhận kháng cáo của bà N1.

Nguyên đơn đề nghị bác kháng cáo của bà N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đơn kháng cáo của bị đơn bà N1 trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự cho thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến cũng như chứng cứ các bên cung cấp và trình bày. Bị đơn bà N1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà N1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi nhưng phía bị đơn không đồng ý nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" là phù hợp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, phía bị đơn bà N1 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Bị đơn bà N1 kháng cáo cho rằng, bà N1 không đồng ý trả số tiền hụi 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) vì bà N1 không tham gia chơi hụi. Ngoài ra, bị đơn bà N1 cho rằng bà có nợ nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) đã trả chỉ còn nợ lại 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà N1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà N1 thừa nhận có tham gia dây hụi mở ngày 30/11/2021 âm lịch, mệnh giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), nguyên đơn và bị đơn thống nhất vợ chồng bị đơn tham gia một phần hụi, đã hốt hụi ở lần khui thứ ba và còn nợ 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), bị đơn cho rằng đã đóng được 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm ngàn đồng), còn nợ 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Sự thừa nhận này phù hợp với giấy tờ chứng cứ có trong hồ sơ, nên có căn cứ xác định vợ chồng

bị đơn còn nợ 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Đối với lời trình bày của bị đơn bà N1 về việc nguyên đơn và bị đơn đã chốt nợ còn 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[3.2] Bị đơn bà N1 cho rằng, bà không tham gia dây hụi mở ngày 15/9/2022 âm lịch, mệnh giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), gồm 31 phần. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cụ thể tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2026 (bút lục 25, 26), vợ chồng bị đơn thống nhất khai có tham gia chưng hụi này. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà N1 thay đổi lời khai, cho rằng không biết việc tham gia chưng hụi này, nhưng bà N1 thừa nhận có ký và viết vào Tờ xác nhận (bút lục 30A) với nội dung có nhờ Sáu Ngọt hốt hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Như vậy, có cơ sở chứng minh bị đơn bà N1 có tham gia dây hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), đã hốt hụi và đóng được 07 lần, còn nợ 23 lần, tương ứng 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) nên cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà trả 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) tiền hụi còn nợ là phù hợp. Do đó, bà N1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà N1 nên không có cơ sở xem xét.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn bà N1 không được chấp nhận nên bà N1 phải chịu án phí theo khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội.

* Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị N1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 251/2026/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà N1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí bà N1 đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000844 ngày 14/7/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 LuậtThi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 14 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Tuyết Mai